

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31 / 2018/ HNGĐ- ST  
Ngày: 27 – 04 - 2018  
V/v: “ Ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH,  
TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Điệp.

Bà Trần Thanh Phương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Hùng Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 604/2016/HNGĐ - ST ngày 22/11/2016 về việc “ Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Diệp Ngọc T, sinh năm 1967.

***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Số 259, ấp T, xã PT, huyện NT, tỉnh ĐN

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 3447, DT, CA , SA.

( Ông T, bà T có mặt, bà L vắng mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/03/2015, các lời khai tiếp theo và tại phiên Tòa nguyên đơn ông Diệp Ngọc T trình bày:***

Ông và bà T chung sống tự nguyện vào năm 1989, có tổ chức cưới hỏi đến năm 1994 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thiện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 quyền số 01 ngày 31/3/1994.

Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2004 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng nhiều lần cãi vã, đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng đều không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông cương quyết ly hôn với bà T.

Về con chung: Có hai con chung là Diệp Ngọc B – sinh năm 1990 và Diệp Ngọc Đ – sinh năm 1997. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 3 diện tích khoảng 190m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất diện tích 371.8m<sup>2</sup>, thửa 118, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 616486 cấp ngày 16/09/2010 và phần đất diện tích 1070,4 m<sup>2</sup> thửa 142, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 803118 cấp ngày 16/09/2010. Trước đây ông có yêu cầu tòa án giải quyết tuy nhiên nay hai vợ chồng đã tự thỏa thuận được nên đã làm đơn rút yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Ông và bà T có nợ bà Nguyễn Ngọc L số tiền là 5000USD. Hai bên đã thỏa thuận trả xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Tại đơn khởi kiện phân tố, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về điều kiện hoàn cảnh xây dựng gia đình như ông T trình bày là đúng. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã qua nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Nhưng nay ông T cương quyết xin ly hôn, bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông T làm tờ cam kết lo cho con chung của vợ chồng.

Về con chung: Có hai con chung là Diệp Ngọc B – sinh năm 1990 và Diệp Ngọc Đ – sinh năm 1997. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 3 diện tích khoảng 190m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất diện tích 371.8m<sup>2</sup>, thửa 118, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 616486 cấp ngày 16/09/2010 và phần đất diện tích 1070,4 m<sup>2</sup> thửa 142, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 803118 cấp ngày 16/09/2010. Trước đây bà có yêu cầu tòa án giải quyết tuy nhiên nay hai vợ chồng đã tự thỏa thuận được nên đã làm đơn rút yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Ông và bà T có nợ bà Nguyễn Ngọc L số tiền là 5000USD. Hai bên đã thỏa thuận trả xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại biên bản hòa giải ngày 9/4/2014, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc L trình bày:*

Bà là công dân định cư bên Mỹ nhưng hiện nay bà đang có mặt tại Việt Nam.

Trước đây bà có cho ông Diệp Ngọc T và bà Nguyễn Thanh T là em của bà vay số tiền là 5000 USD. Bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng tòa chưa thụ lý. Tuy nhiên, hiện nay ông T và bà T đã thỏa thuận trả nợ xong cho bà nên bà không còn yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này. Việc ông Trình và bà T ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn” đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục.

Về đường lối: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Ngọc T, xử cho ông T được ly hôn với bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Diệp Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thanh T đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền của Tòa án nên được thụ lý, giải quyết. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[ 2 ]. Xét quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[ 3 ]. Xét đơn yêu cầu ly hôn của ông Diệp Ngọc T thì thấy: Tại phiên tòa ông T cương quyết xin được ly hôn với bà T, ông cho rằng từ năm 2004 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng nhiều lần cãi vã, đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng đều không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng dẫn đến tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà T cũng thừa nhận là mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ năm 2004, nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân được 3 năm, nhưng bà không đồng ý ly hôn vì ông T không đồng ý viết cam kết sẽ lo cho con cái. Xét thấy ý kiến của bà T là không có cơ sở vì hiện các con của ông T bà T đã trưởng thành, theo quy định của pháp luật thì ông bà không phải có nghĩa phải lo cho con cái. Hơn nữa đây cũng không phải là căn cứ để không cho ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T bà T đã xảy ra từ lâu và trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T được ly hôn với bà T là phù hợp với qui định của pháp luật.

Về con chung: Ông T và bà T có hai con chung là Diệp Ngọc B – sinh năm 1990 và Diệp Ngọc Đ – sinh năm 1997. Các con ông bà đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 3 diện tích khoảng 190m<sup>2</sup> nằm trên thửa đất diện tích 371.8m<sup>2</sup>, thửa 118, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 616486 cấp ngày 16/09/2010 và phần đất diện tích 1070,4 m<sup>2</sup> thửa 142, tờ bản đồ số 27 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 803118 cấp ngày 16/09/2010.

Ngày 09/4/2018 ông T và bà T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố về chia tài sản chung vợ chồng và tại phiên tòa ngày hôm nay ông bà xác định không tranh chấp tài sản chung mà tự thỏa thuận giải quyết. Do đó cần đình chỉ yêu cầu này và không xem xét giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung : Ông và bà T có nợ bà Nguyễn Ngọc L số tiền là 5000USD. Hai bên đã thỏa thuận trả xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại hồ sơ bà L cũng đã có ý kiến không tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Nên không xem xét giải quyết về nợ chung.

Về chi phí tố tụng: ông Diệp Ngọc T tự nguyện chịu 7.166.000đ ( đã nộp xong )

Về lệ phí : Ông Diệp Ngọc T phải chịu 200.000đồng lệ phí thực hiện ủy thác, được khấu trừ vào số tiền 200.000đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 001671 ngày 20/10/2017 của chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch.( đã nộp xong)

Về án phí: Ông Diệp Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí HNGĐ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 8.950.000 đồng tại biên lai thu tiền số 009597 ngày 30/3/2015. Trả lại cho ông T số tiền 8.750.000đồng theo biên lai thu số 009597 ngày 30/3/2015 và số tiền 16.000.000đ tại biên lai thu số 005960 ngày 27/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Trả lại cho bà T số tiền 12.540.000đồng theo biên lai thu số 006162 ngày 16/8/2016 của Chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch).

Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 220, 266, 267 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Pháp lệnh về lệ phí và án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Ngọc T về việc chia tài sản chung vợ chồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thanh T về việc chia tài sản chung vợ chồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Diệp Ngọc T về việc “ Ly hôn ” với bị đơn bà Nguyễn Thanh T.

Xử: cho ông Diệp Ngọc T được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có hai con là Diệp Ngọc B – sinh năm 1990 và Diệp Ngọc Đ – sinh năm 1997. Các con ông bà đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: ông Diệp Ngọc T tự nguyện chịu 7.166.000đ ( đã nộp xong )

Về lệ phí : Ông Diệp Ngọc T phải chịu 200.000đồng lệ phí thực hiện ủy thác, được khấu trừ vào số tiền 200.000đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 001671 ngày 20/10/2017 của chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch.( đã nộp xong)

Về án phí: Ông Diệp Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí HNGĐ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 8.950.000 đồng tại biên lai thu tiền số 009597 ngày 30/3/2015. Trả lại cho ông T số tiền 8.750.000đồng theo biên lai thu số 009597 ngày 30/3/2015 và số tiền 16.000.000đ tại biên lai thu số 005960 ngày 27/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Trả lại cho bà T số tiền 12.540.000đồng theo biên lai thu số 006162 ngày 16/8/2016 của Chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.
- UB xã, PTP

**Đặng Đình Hiền**

